

THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TỈNH YÊN BÁI NĂM 2011

**HÀ ĐỨC MINH - Sở Y tế Đồng Nai
NGUYỄN TUẤN HƯNG - Bộ Y tế**

ĐẶT VẤN ĐỀ

Mạng lưới y tế cơ sở ở nước ta được hình thành từ sau cách mạng Tháng 8/1945, ngày càng được củng cố và phát triển bền vững. Thời gian qua, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cơ bản đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu, phòng chống dịch bệnh, góp phần cải thiện mô hình bệnh tật trong cộng đồng. Chủ trương lấy y tế cơ sở làm nòng cốt trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đã mang lại nhiều thành tựu, góp phần đạt được các mục tiêu chăm sóc sức khỏe toàn dân. Trong những năm qua, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh Yên Bái luôn được chú trọng, hệ thống y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở được củng cố, đặc biệt là y tế xã, phường, thị trấn. Trong đó, vấn đề tăng cường cán bộ và trang bị kỹ thuật cho mạng lưới được trú trọng. Tỉnh đã có chủ trương mở rộng các hình thức đào tạo và bồi dưỡng để phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở, ưu tiên đào tạo cán bộ người dân tộc tại chỗ. Bảo đảm đủ chức danh cán bộ cho trạm y tế, chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ y được học cổ truyền. Có chính sách đãi ngộ thích hợp để khuyến khích cán bộ y tế làm việc tại trạm y tế xã, phường, đặc biệt là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: □Thực trạng nguồn nhân lực trạm y tế xã, phường, thị trấn tỉnh Yên Bái năm 2011□ với các mục tiêu như sau: Mô tả thực trạng nguồn nhân lực trạm y tế tuyến xã tỉnh Yên Bái năm 2011; Đề xuất một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trạm y tế tuyến xã tỉnh Yên Bái.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

- Toàn bộ 180 trưởng trạm và cán bộ y tế đang công tác tại trạm y tế xã, phường, thị trấn tỉnh Yên Bái.
- Lãnh đạo: Sở Y tế, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Nghiệp vụ Y.
- Lãnh đạo Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố.
- Các báo cáo thống kê của Trạm y tế, Trung tâm y tế tuyến huyện.

2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu:

- + Thời gian: Từ tháng 1/2011 đến tháng 12/2011
- + Địa điểm: tại tỉnh Yên Bái

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang kết hợp định tính và định lượng.

3.2. Phương pháp chọn mẫu:

* *Cỡ mẫu định lượng:* Điều tra toàn bộ trưởng trạm và cán bộ y tế của 180 xã phường, thị trấn của tỉnh Yên Bái.

* *Cỡ mẫu định tính:*

- Phòng vấn lãnh đạo Sở Y tế, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Nghiệp vụ Y.
- Thảo luận nhóm: thu thập thông tin từ đại diện lãnh đạo của 9 trung tâm y tế tuyến huyện.

* *Phân tích số liệu từ các báo cáo về tình hình nhân lực y tế của các trạm y tế xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh.*

3.4. Kỹ thuật thu thập thông tin:

- Phòng vấn bằng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn.
- Thảo luận nhóm với lãnh đạo Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố.
- Phòng vấn cán bộ lãnh đạo Sở Y tế, Phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế, Phòng Tổ chức Cán bộ Sở Y tế.

4. Kỹ thuật xử lý số liệu

Số liệu thu thập được, được làm sạch, nhập vào máy tính và xử lý bằng phần mềm EPI-INFO 6.04 và các thuật toán thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng nguồn nhân lực y tế xã, phường ở Yên Bái

Tỉnh Yên Bái có 180 xã, phường, thị trấn thuộc 7 huyện, 1 thị xã và 1 thành phố (trong đó có: 70 xã và 2 thị trấn vùng cao; 108 xã, phường vùng thấp). Gồm có 994 cán bộ trong danh sách chịu sự quản lý của các Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố và 180 cán bộ DS-KHHGD chịu sự quản lý của Trung tâm DS-KHHGD huyện. Tại thời điểm điều tra có 93 cán bộ đi học bác sĩ, dược sĩ trung cấp, y sĩ, điều dưỡng trung cấp.

Bảng 1. Phân bố cán bộ y tế, cán bộ dân số xã theo đơn vị hành chính

Huyện/TX/TP	Tổng số Trạm Y tế	Số lượng	Tổng số CBYT	
			Trong đó	
			CB Y tế	CB Dân số
H. Lục Yên	24	160	136	24

H. Mù Cang Chải	14	84	70	14
H. Trấn Yên	22	149	127	22
H. Trạm Tấu	12	71	59	12
TP. Yên Bái	17	122	105	17
TX. Nghĩa Lộ	7	49	42	7
H. Văn Chấn	31	192	161	31
H. Văn Yên	27	170	143	27
H. Yên Bình	26	177	151	26
Cộng	180	1074	994	180

- Số lượng cán bộ y tế hiện có toàn tỉnh đạt 100% so với biên chế được giao hằng năm, (trung bình 5,5 CBYT/Trạm).

- Số lượng cán bộ dân số-kế hoạch hóa gia đình ở các huyện, thị xã, thành phố đạt 100%, (01 CBDS-KHHGD/Trạm).

Bảng 2. Số lượng cán bộ y tế xã hiện có so với Thông tư 08

Huyện/TX/TP	Tổng số Trạm	Theo Thông tư số 08	Biên chế hiện có		Thừa, thiếu so với TT 08	
			N	%	n	%
H. Lục Yên	24	144	136	94,4	- 8	5,6
H. Mù Cang Chải	14	84	70	83,3	- 14	16,7
H. Trấn Yên	22	132	127	96,2	- 5	3,8
H. Trạm Tấu	12	72	59	81,9	- 13	18,1
TP. Yên Bái	17	102	105	102,9	+ 3	+ 2,9
TX. Nghĩa Lộ	7	42	42	100,0	0	0
H. Văn Chấn	31	186	161	86,6	- 25	13,4
H. Văn Yên	27	162	143	88,2	- 19	11,8
H. Yên Bình	26	156	151	96,8	- 5	3,2
Cộng	180	1080	994	92,0	86	- 8,0

- Hầu hết các đơn vị số cán bộ y tế hiện có đều đạt trên 80% so với chỉ tiêu biên chế quy định tại Thông tư số 08/2007 của Liên Bộ Y tế-Bộ Nội vụ.

- Số lượng cán bộ y tế các xã vùng thấp hiện có cao hơn các xã vùng cao, thấp nhất là huyện Văn Chấn (5,5 CBYT/Trạm).

Bảng 3. Phân bố trình độ chuyên môn cán bộ y tế xã theo đơn vị hành chính

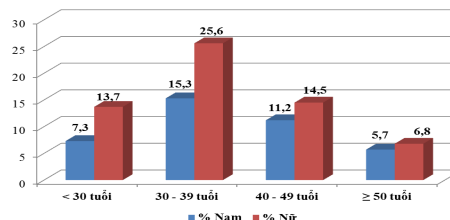
Huyện/TX/TP	Trình độ chuyên môn						Tổng cộng
	Bác sỹ	Y sỹ	NHS TC	KTV ĐDT C	D. sỹ TC	Sơ cấp	
H. Lục Yên	n 5	60	32	21	6	12	136
	% 3,7	44,1	23,5	15,3	4,4	8,8	100
H. Mù Cang Chải	n 0	36	13	11	0	10	70
	% 0	51,5	18,6	15,7	0	14,2	100
H. Trấn Yên	n 20	51	27	16	9	4	127
	% 15,7	40,2	21,3	12,6	7,1	3,1	100
H. Trạm Tấu	n 2	19	11	14	1	12	59
	% 3,4	32,2	18,6	23,7	1,7	20,3	100
TP. Yên Bái	n 11	44	18	11	9	12	105
	% 10,5	41,9	17,1	10,5	8,6	11,4	100
TX. Nghĩa Lộ	n 6	7	13	5	6	5	42
	% 14,2	16,7	30,9	11,9	14,4	11,9	100
H. Văn Chấn	n 19	50	43	16	6	27	161
	% 11,8	31,1	26,7	9,9	3,7	16,8	100
H. Văn Yên	n 12	71	26	17	9	8	143
	% 8,4	49,6	18,2	11,9	6,3	5,6	100
H. Yên Bình	n 19	44	39	20	10	19	151

Bình	%	12,6	29,1	25,8	13,2	6,6	12,6	100
Tổng số	n	94	382	222	131	56	109	994
	%	9,5	38,5	22,3	13,2	5,6	11,1	100

- 38,5% cán bộ y tế là y sỹ, chiếm tỷ lệ cao nhất: Huyện Mù Cang Chải cao nhất (51,5%); Thị xã Nghĩa Lộ thấp nhất (16,7%)

- Có 5,6% là dược sỹ trung cấp: Huyện Mù Cang Chải không có dược sỹ trung cấp ở trạm y tế.

- Tỷ lệ cán bộ sơ cấp 11,1%: Huyện Trạm Tấu cao nhất (20,3%).



Biểu đồ 1. Phân bố cán bộ y tế xã theo nhóm tuổi và giới

- Giới: Trong số 994 CBYT xã của 180 trạm số cán bộ nữ là 60,5% nhiều hơn cán bộ nam là 39,5%.

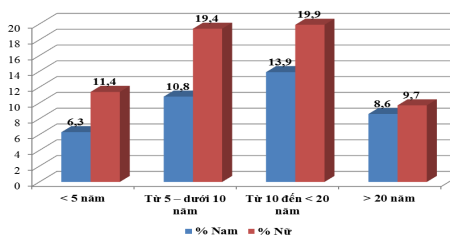
- Nhóm tuổi: Từ 30 đến 39 tuổi chiếm cao nhất (40,9%), nhóm cán bộ trẻ tuổi dưới 30 chỉ chiếm 21,0%.

Bảng 4. Phân bố cán bộ y tế xã theo trình độ chuyên môn

Chức danh	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Bác sỹ	94	9,5
Y sỹ	382	38,5
Nữ hộ sinh TC	222	22,3
KTV, Điều dưỡng TC	131	13,2
Dược sỹ TC	56	5,6
ĐD, HS, dược sơ cấp	109	11,1
Cộng:	994	100

Đa số cán bộ trạm y tế là y sỹ (chiếm 38,5%), chỉ có 94 bác sỹ (chiếm 9,5%);

Dược sỹ trung cấp tỷ lệ thấp nhất (chiếm 5,6%); 13,2% là kỹ thuật viên và điều dưỡng trung cấp; 11,1% là điều dưỡng, hộ sinh, dược sơ cấp.



Biểu đồ 2. Phân bố thời gian tham gia công tác của cán bộ y tế xã

Số cán bộ y tế có thời gian công tác từ 5 đến 10 năm: chiếm tỷ lệ 30,2%; thời gian công tác từ 10 đến dưới 20 năm chiếm tỷ lệ cao nhất 33,8%. Có 17,7% số người có thời gian công tác dưới 5 năm.

Bảng 5. Phân bố cán bộ y tế xã là y sỹ theo tuổi, giới

Tuổi	Nam		Nữ		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%
< 30 tuổi	34	8,9	44	11,6	78	20,5
30 — 39 tuổi	85	22,3	72	18,8	157	41,1
40 — 49 tuổi	48	12,6	38	9,9	86	22,5
≥ 50 tuổi	36	9,3	25	6,6	61	15,9
Tổng số	203	53,1	179	46,9	382	100

- Giới: Nữ chiếm tỷ lệ 46,9%; nam chiếm tỷ lệ 53,1%.
- Nhóm tuổi: Từ 30 đến 39 tuổi chiếm cao nhất (41,1%), thấp nhất là trên 50 tuổi (15,9%)

Bảng 6. Phân bố CBYT là y sỹ theo cơ cấu chuyên môn

Chỉ tiêu nghiên cứu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Y sỹ đa khoa	88	23,0
Y sỹ sản nhi	123	32,2
Y sỹ y học cổ truyền	119	31,2
Y sỹ vệ sinh phòng dịch	52	13,6
Cộng:	382	100

Số y sỹ sản nhi chiếm nhiều nhất 32,2%. Số y sỹ đa khoa chiếm tỷ lệ 23,0%, Y sỹ y học cổ truyền chiếm 31,1%, y sỹ vệ sinh phòng dịch chiếm 13,6%.

Bảng 7. Số lượng bác sỹ đang làm việc tại trạm y tế

Huyện/TX/TP	Tổng số Trạm	Biên chế hiện có	
		n	%
H. Lục Yên	24	5	20,8
H. Mù Cang Chải	14	0	0
H. Trấn Yên	22	20	90,9
H. Trạm Tấu	12	2	16,7
TP. Yên Bái	17	11	64,7
TX. Nghĩa Lộ	7	7	100,0
H. Văn Chấn	31	19	61,3
H. Văn Yên	27	12	44,4
H. Yên Bình	26	19	73,1
Cộng	180	94	52,2

- Có 94/180 xã có bác sỹ làm việc tại trạm y tế đạt 52,2%.

- Huyện Trấn Yên và Thị xã Nghĩa Lộ: có trên 90% số xã có bác sỹ làm việc ở trạm. Huyện Mù Cang Chải không xã nào có bác sỹ làm việc ở trạm.

Bảng 8. Phân bố cán bộ y tế là bác sỹ theo tuổi, giới.

Tuổi	Giới		Nữ		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%
< 30 tuổi	0	0	0	0	0	0
30 — 39 tuổi	39	41,5	15	16,0	54	57,5
40 — 49 tuổi	22	23,4	7	7,4	29	30,8
≥ 50 tuổi	11	11,7	0	0	11	11,7
Tổng số	72	76,6	22	32,4	94	100

- Giới: Nữ chiếm tỷ lệ 32,4%; nam chiếm tỷ lệ 76,6%.
- Nhóm tuổi: Từ 30 đến 39 tuổi chiếm cao nhất (57,7%), thấp nhất là trên 50 tuổi (11,7%)

Bảng 9. Phân bố cán bộ y tế là bác sỹ theo thâm niên công tác

Năm công tác	Giới		Nữ		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%
Dưới < 5 năm	0	0	0	0	0	0
Từ 5 đến < 10 năm	22	23,4	6	6,4	28	29,8
Từ 10 đến < 20 năm	40	42,6	14	14,9	54	57,5
Từ 20 năm trở lên	10	10,6	2	2,1	12	12,7
Tổng số	72	76,6	22	23,4	94	100

- Số bác sỹ có thời gian công tác từ 5 đến 10 năm: chiếm tỷ lệ 29,8%; thời gian công tác từ 10 đến dưới 20 năm chiếm tỷ lệ cao nhất 57,4%.

- Có 12,7% số bác sỹ có thời gian công tác trên 20 năm.

Bảng 10. Phân bố cán bộ y tế theo chuẩn Quốc gia về y tế xã.

Chỉ tiêu	Hiện có		Thiếu		Thừa	
	n	%	n	%	n	%
Trạm Y tế có Bác sỹ	94/180	52,2	-86	47,8	0	0

Trạm Y tế có NHSTC	222/180	123,3	0	0	+42	23,3
Trạm Y tế có YSSN	123/180	68,3	-67	31,7	0	0
Trạm y tế có YS YHCT	119/180	54,4	-82	45,6	0	0
Trạm y tế xã có CB được TC	56/180	31,1	-129	68,9	0	0

- Số bác sỹ có định biên tại trạm y tế xã đạt 52,2%;
- Số nữ hộ sinh trung cấp đạt 123,3%
- Y sỹ định hướng sản nhi đạt 68,3%,
- 31,1% số trạm y tế xã có cán bộ là dược sỹ trung cấp.
- 54,4% số trạm y tế có y sỹ y học cổ truyền.

Bảng 11. Tỷ lệ nguồn nhân lực các trạm y tế xã của tỉnh Yên Bái

Nhân lực	n	%
Số TYT xã có ≤ 4 CBYT	22	12,6
Số TYT xã có 5 - 6 CBYT	130	74,7
Số TYT xã có 7 — 8 CBYT	22	12,6
Số TYT xã có > 8 CBYT	0	0

Có 152 trạm y tế đạt chuẩn về nhân lực (có từ 5 CBYT trở lên), Có 22 trạm y tế có dưới 4 CBYT.

Bảng 12. Cơ cấu nguồn nhân lực tại trạm y tế

Cơ cấu nhân lực	Trả lời	
	Số lượng	%
Số TYT xã có BS	85	48,9
Số TYT xã có Nữ hộ sinh hoặc Y sỹ sản nhi	166	95,4
Số TYT xã có Điều dưỡng	139	79,9
Số TYT xã có YS định hướng YHCT/hoặc Y sỹ YHCT	84	48,3
Số TYT xã có Dược sỹ trung cấp	59	33,9
Số TYT xã có Dược tá hoặc kiêm nhiệm	18	10,3
Tổng số	174	

Có 95,4% trường trạm cho rằng các trạm y tế xã có HSTC hoặc YSSN làm việc. Có 48,3 % các trạm y tế có YSYHCT hoặc định hướng YHCT. Có 44,2% các trạm y tế xã có DSTC, dược tá hoặc cán bộ kiêm nhiệm.

Bảng 13. Số lượng cán bộ y tế tại trạm y tế

Số lượng nhân lực y tế	Trả lời	
	Số lượng	%
Đủ	43	24,7
Thiếu	115	66,1
Thừa	0	0
Thiếu + thừa	16	9,2
Chức danh thiếu nhất của các TYT xã	Bác sỹ	51,1
Chức danh thừa nhiều nhất của TYT xã	Hộ sinh T.cấp	43,7
Số xã đạt chuẩn về nhân lực (ít nhất 4 người: BS, NHS, ĐD, YHCT)	28	16,1
Tổng số	174	

- 61,1% trường trạm cho biết số lượng cán bộ biên chế như hiện nay là thiếu; 51,1% ý kiến cho là chức danh thiếu nhất hiện nay ở trạm y tế là bác sỹ; 43,2% ý kiến cho là thừa nhiều nhất là hộ sinh trung cấp.

KẾT LUẬN

Thực trạng nguồn nhân lực y tế xã, phường, thị trấn tỉnh Yên Bái:

- Số cán bộ y tế xã hiện có đạt 92,0% (bình quân 5,5 CBYT/trạm), vùng thấp đạt 99% (5,9 CBYT/trạm); vùng cao chỉ đạt 80,7% (4,9 CBYT/trạm).
- 40,9% số cán bộ y tế xã dưới 39 tuổi; 12,5% ở nhóm tuổi trên 50.
- 38,5% là y sỹ; 9,5% bác sỹ; 5,6% là dược sỹ trung cấp.

- 52,2% số xã có bác sỹ làm việc ở trạm, có 51,2% số bác sỹ được bổ nhiệm trưởng trạm, phó trạm y tế.

- 84,1% y sỹ ở độ tuổi dưới 50: nam 43,8%, nữ 40,3%.

- Cơ cấu cán bộ thiếu: bác sỹ 47,8%, dược 94,6%, y sỹ y học cổ truyền thiếu 45,6%.

- 100% số xã có cán bộ dân số-kế hoạch hóa gia đình; 75,6% có tuổi đời dưới 50; 59,5% cán bộ dân số chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

KHUYẾN NGHỊ

1. Đề nghị bổ sung.

- Nhiệm vụ cho trạm y tế về công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình để mỗi trạm có 1 cán bộ trung cấp dược, 1 cán bộ dân số-kế hoạch hóa gia đình.

- Chức danh dược sỹ trung cấp, cán bộ dân số-kế hoạch hóa gia đình.

- Biên chế cán bộ y tế cho các trạm y tế xã, mỗi trạm có từ 6 cán bộ (nhất là đối với trạm y tế của các huyện vùng cao) để đảm bảo đủ biên chế hoạt động.

2. Đẩy mạnh đào tạo bác sỹ cho tuyến y tế cơ sở (đặc biệt là các trạm y tế xã thuộc vùng cao) từ nguồn y sỹ tại trạm. Đào tạo bác sỹ chính quy cử tuyển là người dân tộc, người tại địa phương.

- Có chính sách thu hút bác sỹ (nhất là bác sỹ được đào tạo cử tuyển) về làm việc tại trạm y tế đồng thời hàng tháng có chính sách hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ về nhà ở cho bác sỹ.

- Đào tạo, bồi dưỡng định hướng y học cổ truyền cho các y sỹ đa khoa, y sỹ vệ sinh phòng dịch của trạm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 46 - NQ/TW ngày 22/3/2005 về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Hà Nội.

2. Bộ Y tế - Tài chính, Lao động -Thương binh xã hội, Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (1995), Thông tư số 08/TT-LB ngày 20/4/1995 hướng dẫn một số vấn đề về tổ chức và chế độ chính sách đối với y tế cơ sở.

3. Bộ Y tế - Bộ Nội vụ (2007), Thông tư số 08/2007/TT-BYT ngày 5/6/2007 Hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước

4. Bộ Y tế (2009), Báo cáo công tác y tế năm 2009.

5. Bộ Nội vụ - Bộ Y tế (2008), Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BYT-BNV ngày 25/4/2008. Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế, Phòng Y tế thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

6. Bộ Y tế (2008), Thông tư 05/2008/TT-BYT ngày 15/5/2008 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hoá gia đình ở địa phương.

7. Chính phủ (1994), Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 3/2/1994 quy định một số vấn đề về tổ chức và chế độ chính sách đối với y tế cơ sở.

8. Nguyễn Hữu Đức (2007), Bàn về chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn, Vụ Chính quyền địa phương — Bộ Nội vụ.

9. Sở Y tế Yên Bái (2010), Báo cáo công tác tổ chức cán bộ năm 2010.